

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định chính sách khuyến khích phát  
triển tiểu - thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND, UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09/6/2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2007/NQ-HĐND ngày 16/7/2007 của HĐND tỉnh Lào Cai thông qua Chính sách khuyến khích phát triển tiểu, thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công nghiệp Lào Cai tại Tờ trình số 32/TTr-SCN ngày 06/8/2007 về việc đề nghị ban hành Chính sách khuyến khích phát triển tiểu - thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này 'Quy định Chính sách khuyến khích phát triển tiểu - thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai'.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 457/2004/QĐ-UB ngày 23/8/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành 'Quy định về khuyến khích phát triển tiểu- thủ công nghiệp Lào Cai'./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**Nguyễn Hữu Vạn**

**QUY ĐỊNH**  
**Chính sách khuyến khích phát triển tiểu - thủ công nghiệp**  
**trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 54/2007/QĐ-UBND  
ngày 9/8/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Mục tiêu của chính sách**

Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai khuyến khích và tạo môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh thuận lợi, có các chế độ ưu đãi đầu tư của tỉnh trên cơ sở các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước áp dụng vào điều kiện cụ thể ở Lào Cai, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực phát triển sản xuất tiểu - thủ công nghiệp (TTCN) trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo pháp luật Việt Nam.

**Điều 2. Đối tượng, phạm vi áp dụng**

1. Đối tượng áp dụng:

Tổ chức, cá nhân trong nước đầu tư trực tiếp phát triển sản xuất, dịch vụ trong lĩnh vực tiểu - thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai, bao gồm:

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa (*có số vốn đăng ký không quá 10 tỷ đồng hoặc lao động bình quân không quá 300 người*) thành lập, hoạt động theo Luật doanh nghiệp.
- Hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã.
- Hộ kinh doanh cá thể theo Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.
- Tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ khuyến công khác theo quy định của pháp luật.

2. Phạm vi áp dụng:

Các đối tượng nêu trên phải có dự án đầu tư phát triển sản xuất trong lĩnh vực tiểu - thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo các danh mục ngành nghề được quy định tại khoản 3 dưới đây với mức đầu tư không quá 07 tỷ đồng (*bảy tỷ VNĐ*), được áp dụng trong các trường hợp sau:

- Đầu tư thành lập mới cơ sở sản xuất
  - Đầu tư mở rộng ngành nghề sản xuất.
  - Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất: Đổi mới công nghệ, thiết bị; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.
3. Danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến khích phát triển TTCN Lào Cai
- Chế biến chè; bảo quản hoặc chế biến thực phẩm, hoa quả, rau, hoa.
  - Chế biến nông, lâm, thủy sản và dược liệu.
  - Sản xuất cơ khí, sửa chữa thiết bị, công cụ phục vụ sản xuất công, nông, lâm nghiệp và các ngành nghề nông thôn.
  - Dệt, may, thêu thổ cẩm và các mặt hàng thủ công mỹ nghệ khác.
  - Sản xuất các loại vật liệu xây dựng không nung; sản xuất chất đốt thay thế củi ở các huyện vùng cao.
  - Đầu tư công nghệ để cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường, xử lý chất thải, sử dụng năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo.

**Chương II**  
**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 3. Kinh phí hỗ trợ phát triển tiểu - thủ công nghiệp** (*nguồn vốn khuyến công*)

1. Nguồn vốn khuyến công bao gồm:

- Ngân sách địa phương: Hàng năm trích tối đa 1,5% tổng thu ngân sách trên địa bàn (*không kể thuế xuất nhập khẩu*) để hỗ trợ cho phát triển TTCN.
- Ngân sách TW: Nguồn vốn khuyến công quốc gia cho hoạt động khuyến công của địa phương theo chương trình, kế hoạch và đề án được duyệt.
- Nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật

2. Nguồn vốn khuyến công được sử dụng như sau:

- Hỗ trợ trực tiếp cho các cơ sở sản xuất theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Quy định này.
  - Chi cho các hoạt động khuyến công theo quy định tại Điều 8 của Quy định này.
  - Chi phí cho công tác quản lý nguồn vốn khuyến công theo kế hoạch hàng năm.
3. Kinh phí khuyến công hàng năm do ngân sách cấp theo kế hoạch nếu chưa sử dụng hết sẽ được chuyển sử dụng trong năm tiếp theo.

#### **Điều 4. Hỗ trợ vốn và đầu tư phát triển**

1. Các dự án thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo Quy định này được:

- a) Chi nhánh Ngân hàng phát triển, Ngân hàng chính sách xã hội ưu tiên cho vay vốn đầu tư theo quy định.
- b) Được tham gia và được bảo lãnh để vay vốn từ 'Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa' theo quy định (*khí tính có Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa*).

2. Các dự án vay vốn đầu tư của các tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được hỗ trợ một phần lãi suất vốn vay. Mức hỗ trợ bằng mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Ngân hàng phát triển Việt Nam tại thời điểm vay vốn (*không áp dụng đối với các dự án đã được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Ngân hàng phát triển hoặc đã được vay vốn ưu đãi của Ngân hàng phát triển và Ngân hàng chính sách xã hội*).

3. Hỗ trợ toàn bộ kinh phí lập dự án đầu tư phát triển sản xuất, nếu dự án được thực thi theo phê duyệt chấp thuận hưởng hỗ trợ của cấp có thẩm quyền.

#### **Điều 5. Hỗ trợ đào tạo nhân lực**

1. Đối với đào tạo ngắn hạn (*thời gian đào tạo dưới 5 tháng*): mức hỗ trợ tối đa đến 100% chi phí đào tạo theo quy định được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với đào tạo dài hạn (*thời gian đào tạo từ 5 tháng đến 18 tháng*): mức hỗ trợ tối đa đến 50% chi phí đào tạo theo quy định được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thuê chuyên gia, nghệ nhân phát triển sản xuất: mức hỗ trợ tối đa đến 50% chi phí thực hiện theo quy định được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 6. Hỗ trợ về công nghệ, thiết bị**

1. Hỗ trợ chi phí chuyển giao công nghệ (*hồ sơ, tài liệu kỹ thuật, công nghệ sản xuất, đào tạo công nhân vận hành*); nhận quyền thương mại (*nhận chuyển giao mô hình, bí quyết sản xuất kinh doanh, nhãn hiệu, biểu tượng hàng hóa*). Mức hỗ trợ tối đa đến 80% chi phí thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không vượt quá 50 triệu đồng/dự án.

2. Các dự án TTCN đầu tư vào các lĩnh vực: Chế biến nông, lâm sản; sản xuất công cụ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; sản xuất sản phẩm mới; khôi phục ngành nghề truyền thống của địa phương được hỗ trợ một phần kinh phí mua sắm thiết bị, công cụ sản xuất ban đầu. Mức hỗ trợ theo các khu vực (*địa bàn khu vực theo quy định hiện hành của Nhà nước*) như sau:

Khu vực I hỗ trợ 30%, khu vực II hỗ trợ 50%, khu vực III hỗ trợ 80% chi phí thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng mức tối đa không vượt quá 150 triệu đồng/dự án.

#### **Điều 7. Hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm**

1. Hỗ trợ chi phí đăng ký bảo hộ thương hiệu, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm. Mức hỗ trợ tối đa đến 100% kinh phí phải trả cho các cơ quan, tổ chức có chức năng thực hiện nhưng không vượt quá 100 triệu đồng/dự án.

2. Hỗ trợ khảo sát, tìm kiếm thị trường, học tập kinh nghiệm sản xuất. Mức hỗ trợ tối đa đến 80% chi phí thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không vượt quá 30 triệu đồng/dự án.

#### **Điều 8. Tổ chức các hoạt động khuyến công chung của tỉnh**

1. Tuyên truyền phổ biến và hướng dẫn thực hiện cơ chế chính sách, pháp luật của Nhà nước và địa phương, cung cấp các thông tin phục vụ đầu tư phát triển sản xuất.

2. Tổ chức cho các cơ sở sản xuất tham gia hội chợ, triển lãm, quảng cáo sản phẩm; tìm kiếm thị trường, đối tác hợp tác liên doanh, liên kết; tham gia các hiệp hội ngành nghề.

3. Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, năng lực quản lý, hợp lý hóa sản xuất; tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề về phát triển sản xuất.

4. Điều tra, quy hoạch cụm, điểm sản xuất tiểu - thủ công nghiệp; nhân cấy nghề, khôi phục nghề, phát triển làng nghề; xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển sản xuất.

#### **Điều 9. Các ưu đãi khác**

1. Được ưu tiên đầu tư vào các cụm tiểu - thủ công nghiệp; được hưởng ưu đãi cao nhất theo quy định hiện hành.

2. Được hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng (*đường giao thông, điện nước, thông tin liên lạc*) đến chân hàng rào cụm tiểu - thủ công nghiệp.

3. Được hỗ trợ một phần kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp khoa học để nghiên cứu, ứng dụng các đề tài khoa học, áp dụng công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới theo quy định về khuyến khích phát triển khoa học - công nghệ của tỉnh và Nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 18/9/1999 của Chính phủ về một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 10. Quản lý về hoạt động khuyến công**

1. Các dự án đầu tư phát triển sản xuất TTCN được hưởng ưu đãi, hỗ trợ từ nguồn vốn khuyến công có tham gia hoạt động đầu tư và xây dựng đều phải thực hiện theo Quyết định số 24/2007/QĐ-UBND ngày 05/6/2007 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Quy định một số Điều cụ thể về quản lý quy hoạch, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và quản lý chất lượng công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết định số 34/2007/QĐ-UBND ngày 23/7/2007 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Quy định một số điểm thực hiện hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Lào Cai và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết định phê duyệt các hình thức và mức hỗ trợ cho các dự án thực hiện trên địa bàn các huyện, thành phố từ nguồn vốn khuyến công (theo kế hoạch sử dụng nguồn vốn khuyến công hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt).

2. Các trường hợp khác do UBND tỉnh quyết định đầu tư.

3. Giao Sở Công nghiệp:

a) Hàng năm lập kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện công tác khuyến công của tỉnh gửi Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) Phối hợp với các ngành hướng dẫn các huyện, thành phố lập kế hoạch và triển khai các hoạt động khuyến công.

c) Quản lý, kiểm tra, theo dõi và định kỳ báo cáo việc thực hiện công tác khuyến công.

d) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các ngành có liên quan hướng dẫn trình tự, thủ tục hưởng hỗ trợ từ nguồn vốn khuyến công địa phương, tổ chức quản lý sử dụng tốt nguồn vốn khuyến công theo các nội dung của Chính sách này.

4. UBND các huyện, thành phố có nhiệm vụ phối hợp với Sở Công nghiệp triển khai tốt các hoạt động khuyến công trên địa bàn, bao gồm:

a) Xây dựng và đăng ký kế hoạch sử dụng kinh phí khuyến công (*trên địa bàn địa phương mình*) hàng năm.

b) Quyết định phê duyệt các hình thức và mức hỗ trợ cho các dự án đầu tư phát triển sản xuất TTCN thực hiện trên địa bàn địa phương mình.

5. Giao Sở Tài chính:

a) Thẩm định kế hoạch nguồn vốn khuyến công hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt. Thẩm định chi phí phục vụ các hoạt động khuyến công chung của tỉnh theo các quy định hiện hành và kế hoạch được duyệt.

b) Phối hợp với Sở Công nghiệp quản lý nguồn vốn khuyến công của tỉnh.

6. Các ngành, các cơ quan, đoàn thể theo chức năng nhiệm vụ tăng cường hoạt động phối hợp nhằm tạo điều kiện hỗ trợ và thúc đẩy sản xuất tiểu - thủ công nghiệp phát triển.

### **Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 11. Trách nhiệm thi hành**

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Chính sách này được xét khen thưởng theo quy định. Các tổ chức, cá nhân vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Chính sách này, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung về UBND tỉnh (qua Sở Công nghiệp) để kịp thời xem xét giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH  
(đã ký)  
Nguyễn Hữu Vạn**